

Số: /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Sở Nội vụ Nghệ An đủ điều kiện
thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực
hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một
cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ
nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành
trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục
hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 672/QĐ- BNV ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ
Nội vụ về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến
toàn trình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 399/TTr-SNV ngày
03/7//2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định Danh mục gồm 88 thủ tục hành chính
(sau đây viết tắt TTHC) đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Người có công: 28 TTHC, trong đó 26 TTHC cấp tỉnh, 02 TTHC cấp xã.

- Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Hội, Quĩ: 15 TTHC cấp tỉnh.
- Lĩnh vực Công tác Thanh niên: 03 TTHC cấp tỉnh.
- Lĩnh vực Lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội: 08 TTHC cấp tỉnh.
- Lĩnh vực An toàn lao động: 03 TTHC cấp tỉnh.
- Lĩnh vực Việc làm: 24 TTHC cấp tỉnh.
- Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước: 07 TTHC, trong đó 06 TTHC cấp tỉnh, 02 TTHC cấp xã.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Bùi Đình Long;
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Thiên);
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Đình Long

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG, QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NỘI VỤ ĐỂ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực Người có công (28 TTHC)		
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh (26 TTHC)			
1	1.001257	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
2	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	
3	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
4	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
5	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
6	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
7	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
8	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	
9	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
10	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	
11	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
12	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
13	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
14	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
15	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
16	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
17	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
18	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
19	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
20	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	
21	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	
22	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
23	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
24	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
25	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
26	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
TTHC thực hiện ở cấp xã (02 TTHC)			
28	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	
29	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
II	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ (15 TTHC)		
TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh (15 TTHC)			
1	1.012927	Công nhận ban vận động thành lập hội	
2	1.012929	Thành lập hội	
3	1.012942	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
4	1.012943	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
5	1.012945	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
6	1.012946	Hội tự giải thể	
7	1.012947	Cho phép hội đặt văn phòng đại diện	
8	1.012948	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	
9	1.013017	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	
10	1.013018	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung hội đồng quản lý quỹ	
11	1.013019	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
12	1.013020	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	
13	1.013021	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
14	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
15	1.013023	Quỹ tự giải thể	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
III Lĩnh vực Công tác Thanh niên (03 TTHC)			
TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh (03 TTHC)			
1	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
2	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
3	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
IV Lĩnh vực Lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (08 TTHC)			
TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh (08 TTHC)			
1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
2	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
3	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
4	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
5	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
6	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
7	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	
8	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	
V Lĩnh vực An toàn lao động (03 TTHC)			
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh (03 TTHC)			
1	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
2	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
3	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	
VI	Lĩnh vực Việc làm (24 TTHC)		
TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh (24 TTHC)			
1	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	BHXXH
2	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	TT DVVL
3	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	TT DVVL
4	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	TT DVVL
5	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	TT DVVL
6	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	TT DVVL
7	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	TT DVVL
8	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	TT DVVL
9	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
10	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
11	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
12	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	
13	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
14	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
15	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
16	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
17	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Đề nghị cung cấp 02 ảnh 4x6 theo đường bưu điện để dán vào phôi Giấy phép lao động
18	1.009873	Thu hồi Giấy pháp hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
19	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
20	1.013718	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
21	1.013719	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
22	1.013720	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Đề nghị cung cấp 02 ảnh 4x6 theo đường bưu điện để dán vào phôi Giấy phép lao động
23	1.013721	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
24	1.013722	Gia hạn cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
VII	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước (07 TTHC)		
	TTHC thực hiện ở cấp tỉnh (06 TTHC)		
1	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
2	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	
3	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	
4	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	
5	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	
6	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
TTHC thực hiện ở cấp xã (01 TTHC)			
7	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	
TỔNG: 88 TTHC			